VJE Tạp chí Giáo dục (2025), 25(4), 42-47 ISSN: 2354-0753

THỰC TRẠNG VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH HÀNH VI ỨNG DỤNG (ABA) TRONG CAN THIỆP CHO TRẺ TỰ KỈ TẠI CÁC TRUNG TÂM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HÒA NHẬP

Nguyễn Nam Phương[1,+],
Âu Thị Ngọc Thủy[1],
Lê Thị Xuân Thu[2]

[1]Trường Đại học Sư phạm Hà Nội;
[2]Trường Đại học Hùng Vương
+ Tác giả liên hệ ● Email: phuongnn@hnue.edu.vn

Article history
Received: 10/12/2024
Accepted: 07/01/2025
Published: 20/02/2025

Keywords
Current status, Applied Behavior Analysis (ABA), intervention, autistic children, Centers of inclusive education development support

ABSTRACT
Recently, intervention methods for children with autism such as Picture Exchange Method (PECS), Applied Behavior Analysis method (ABA) have been proved relatively effective. This study focuses on the ABA method, which is not only an intervention approach but also a comprehensive system of techniques and strategies grounded in the principles of behavior analysis. The research employs a semi-structured survey methodology, using questionnaires and interview questions (conducted with two experts), discussions with teachers at inclusive education support centers, and a case study involving one child with autism at the Vietnam Friendship Village. This study aims to examine the awareness and ability to apply the ABA method at inclusive education support centers in Hanoi. Survey results indicate that the teachers perceived ABA as a method that alters behavior by addressing antecedents and consequences of the child's actions. The most frequently used technique by teachers is "observing and recording the frequency of the child's behavior (event recording)". The primary challenge faced by teachers is that "ABA is implemented in small, discrete steps, leading to fragmentation". The paper proposes solutions for applying ABA in practical interventions, including collaboration with families for behavior management and integrating ABA with other intervention techniques to enhance the effectiveness of care and support for children with autism. The widespread application of ABA in intervention for children with autism also contributes to raising awareness and supporting families in their journey with their children.

1. Mở đầu

Theo thống kê mới nhất của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO, 2022), tính đến tháng 3/2022, trên thế giới cứ 100 trẻ em thì sẽ có 01 trẻ mắc chứng tự kỉ. Trong nghiên cứu của tác giả Hoang và cộng sự (2019) đã chỉ rõ tỉ lệ mắc tự kỉ ở trẻ em tại Việt Nam đang có dấu hiệu gia tăng. Xem xét từ kết quả nghiên cứu, thực trạng này cho thấy có sự tương quan giữa giới tính, môi trường và bối cảnh gia đình. Nghiên cứu của Leaf và cộng sự (2017) đã đề cập phương pháp phân tích hành vi ứng dụng (ABA). Theo đó phương pháp ABA có nguồn gốc sâu xa từ công trình ban đầu của Thorndike, Watson, Pavlov và Skinner về điều kiện hóa phản ứng và hành vi tác động. Phương pháp ABA là một phương pháp tiếp cận có hệ thống nhằm hiểu và cải thiện các hành vi quan tâm xã hội ở những cá nhân khuyết tật phát triển, bao gồm một quá trình có cấu trúc nhưng linh hoạt, phụ thuộc và phản hồi theo sự tiến bộ của trẻ. Nghiên cứu của Fennell và Dillenburger (2016) đã chỉ rõ mức độ tự nhận thức của GV vượt qua kiến thức thực tế và kiến thức thực tế về ABA không liên quan đến chương trình đào tạo GV nhận được từ chính phủ. Tại Việt Nam, các trung tâm trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập (GDHN) đã sử dụng phương pháp ABA trong can thiệp cho trẻ tự kỉ. Cụ thể, nghiên cứu của tác giả Tran Van Cong và cộng sự (2021) đã đưa ra việc áp dụng chương trình đào tạo phương pháp ABA ngắn hạn nhằm nâng cao nhận thức cho GV trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN tại Việt Nam, mở đường cho việc thực hiện phương pháp này với trẻ có rối loạn phổ tự kỉ. Điều này cho thấy, phương pháp ABA không chỉ có tiềm năng lớn mà còn là một công cụ hiệu quả trong việc can thiệp và hỗ trợ phát triển cho trẻ tự kỉ, giúp trẻ nâng cao các kĩ năng xã hội, hành vi giao tiếp, đồng thời giảm thiểu ở trẻ các hành vi không mong muốn. Sự linh hoạt và tính cá nhân hóa cao của ABA cho phép điều chỉnh chương trình can thiệp phù hợp với nhu cầu và khả

năng riêng biệt của mỗi trẻ, từ đó tối đa hóa hiệu quả can thiệp và mang lại những thay đổi tích cực lâu dài. Việc áp dụng ABA rộng rãi cũng góp phần nâng cao nhận thức và hỗ trợ gia đình trong hành trình đồng hành cùng trẻ tự kỉ.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Một số vấn đề về vận dụng phương pháp ABA

Phương pháp ABA đã giúp việc can thiệp cho trẻ tự kỉ trở nên hiệu quả, trẻ có những thay đổi tích cực về hành vi và phát triển thêm nhiều kĩ năng xã hội quan trọng. Điều này được chứng minh lần đầu tiên qua nghiên cứu của Anderson và Romanczyk (1999), các phương pháp hướng dẫn bắt nguồn từ phương pháp ABA đã cho thấy triển vọng đáng kể đối với nhiều trẻ nhỏ mắc chứng tự kỉ. Theo Rosenwasser và Axelrod (n.d.), phương pháp ABA nhấn mạnh đến việc loại bỏ những hành vi không mong muốn và thay thế bằng những hành vi tích cực cho trẻ tự kỉ bằng phương pháp củng cố tích cực và tăng cường giao tiếp, học tập cho trẻ. Một nghiên cứu của Makrygianni và cộng sự (2018) đã chỉ ra các chương trình ABA có hiệu quả trung bình đến cao trong việc cải thiện khả năng trí tuệ, kĩ năng giao tiếp và hành vi thích ứng cho trẻ mắc tự kỉ. Nghiên cứu đã đưa ra mức hiểu biết và cách vận dụng của GV tại các trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN, khi áp dụng phương pháp ABA và có sự kết hợp với các phương pháp khác đều đưa ra một kết quả rất khả quan. Nghiên cứu về GV dạy trẻ mắc chứng rối loạn phổ tự kỉ ở TP. Zarka của Khaleel (2019) cho thấy, các GV đánh giá cao các chiến lược trong phương pháp ABA và không có sự khác biệt đáng kể nào về giới tính, trình độ học vấn hoặc kinh nghiệm.

2.2. Khái quát chung về khảo sát

- *Mục tiêu khảo sát.* Tìm hiểu về mức độ nhận thức của GV về phương pháp ABA, tìm ra một số khía cạnh về sự ảnh hưởng của phương pháp này trong can thiệp cho trẻ có nhu cầu đặc biệt về giáo dục; làm rõ mức độ GV thường xuyên kết hợp phương pháp ABA với các phương pháp, kĩ thuật can thiệp khác, từ đó, tìm hiểu và xây dựng chiến lược giúp các GV can thiệp biết thêm về phương pháp ABA và có phương hướng vận dụng một cách hiệu quả nhất trong can thiệp cho trẻ tự kỉ.

- *Nội dung khảo sát.* Nghiên cứu về nhận thức, cách vận dụng và nhu cầu đào tạo của GV giáo dục đặc biệt về phương pháp ABA: + Xây dựng phiếu khảo sát để trả lời ba câu hỏi: (1) Nhận thức của GV về phương pháp ABA như thế nào?; (2) Mức độ vận dụng phương pháp ABA của GV được thực hiện như thế nào?; (3) Có những yếu tố nào ảnh hưởng tới việc vận dụng phương pháp ABA? Có cách giải quyết nào để giải quyết khó khăn; + Nghiên cứu thực trạng trên một trường hợp trẻ mắc tự kỉ, tại trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN.

Bảng 1. Thông tin về khách thể tham gia khảo sát

Thông tin		Số lượng	Tỉ lệ (%)
Số năm kinh nghiệm	Dưới 5 năm	33	60
	5 - 10 năm	13	23.6
	10 - 15 năm	4	7.3
	Trên 15 năm	5	9.1
Trình độ học vấn, bằng cấp	Chứng chỉ hoặc bằng nghề	2	3.6
	Trung cấp	3	5.5
	Cao đẳng	5	12,7
	Đại học	32	58.2
	Sau đại học	11	20
Tỉnh thành	Hà Nội	18	32.7
	Ninh Bình	5	9.1
	Vĩnh Phúc	22	40
	Hồ Chí Minh	2	3.6
	Tuyên Quang	8	14.5

- *Phương pháp khảo sát:* + Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi: Xây dựng phiếu khảo sát được xây dựng dựa trên thang đo ABAIT-R. Thang đo ABAIT-R là một thang đo về nhận thức và mức độ vận dụng của GV trong việc áp dụng phương pháp ABA; + Phương pháp phỏng vấn: Phỏng vấn sâu với 03 chuyên gia trong lĩnh vực giáo dục đặc biệt, phần phỏng vấn xoay quanh những câu hỏi liên quan tới việc vận dụng phương pháp ABA trong can thiệp cho trẻ tự kỉ, mức độ kết hợp trong thực tiễn giáo dục hỗ trợ trẻ có nhu cầu đặc biệt về giáo dục; + Phương pháp quan sát: Nghiên cứu thực hiện quan sát khách thể là một trẻ tự kỉ tại Làng Hữu Nghị Việt Nam, trong quá trình hoạt động và giao tiếp của trẻ với bạn bè và thầy cô để từ đó rút ra được các biểu hiện phổ biến của tự kỉ, quan sát cách GV xử lí tình huống trong can thiệp, giao tiếp với trẻ; + Phương pháp thống kê toán học: Sử dụng phần mềm SPSS (phiên

bản 23.0) để xử lí kết quả khảo sát với các phép phân tích thống kê mô tả như điểm trung bình (ĐTB), độ lệch chuẩn (ĐLC), T - test và phép thống kê suy luận.

- *Đối tượng và khách thể khảo sát:* + Đối tượng: Mức độ nhận thức và cách vận dụng phương pháp ABA của GV giáo dục đặc biệt trong can thiệp cho trẻ tự kỉ; + Khách thể: 55 GV tại các trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN và 03 chuyên gia trong lĩnh vực can thiệp cho trẻ tự kỉ đang công tác tại các trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN.

- *Thời gian khảo sát:* từ tháng 8/2024 đến tháng 11/2024.

- *Địa bàn khảo sát:* Nghiên cứu được thực hiện tại các trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN ở năm tỉnh thành phố: Hà Nội, Ninh Bình, Vĩnh Phúc, TP. Hồ Chí Minh, Tuyên Quang.

- *Cách phân tích kết quả nghiên cứu thực trạng,* được thực hiện qua các bước sau: Bước 1: Sau khi thu thập dữ liệu khảo sát, tiến hành xử lí và phân tích các số liệu thống kê để rút ra các kết luận ban đầu; Bước 2: Thực hiện các phương pháp hỗ trợ như xây dựng phiếu hỏi nhằm tiến hành phỏng vấn, quan sát thực tế và tổ chức các buổi phỏng vấn sâu; Bước 3: Chắt lọc thông tin, phân loại dữ liệu thu thập được từ những nghiên cứu trường hợp cụ thể và sự kết hợp linh hoạt các phương pháp khác nhau của GV trong việc can thiệp trẻ tự kỉ; Bước 4: Kết hợp phân tích dữ liệu đã thu thập được với việc so sánh, đối chiếu kết quả nghiên cứu với các tài liệu và công trình nghiên cứu khác để đảm bảo tính khách quan và toàn diện.

2.3. Kết quả khảo sát và bàn luận

2.3.1. Thực trạng nhận thức của giáo viên trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập về phương pháp phân tích hành vi ứng dụng (ABA)

Bảng 2. Kết quả đánh giá mức độ nhận thức của GV giáo dục đặc biệt về phương pháp ABA

STT	Item	ĐTB	ĐLC	Cronbach's Alpha
1	ABA làm thay đổi hành vi thông qua việc tác động vào trước và sau hành vi đó	3.02	0.805	0.833
2	ABA trị liệu có thể làm tăng yêu cầu tự phát và giảm các vi số hành vi ở trẻ tự kỉ	2.87	0.944	0.791
3	Củng cố tích cực sẽ làm thay đổi và cải thiện hành vi	3.15	0.826	0.783
4	ABA giúp tăng cường khả năng ngôn ngữ, giao tiếp, tập trung, chú ý	2.78	0.875	0.786
5	ABA phụ thuộc vào sự phản hồi và tiến bộ của trẻ	2.76	0.838	0.776

Kết quả tổng hợp cho thấy item 1 có độ tin cậy cao nhất (Cronbach's Alpha = 0.833) và item 5 có độ tin cậy thấp nhất (Cronbach's Alpha= 0.776). Item 3 cao nhất có ĐTB=3.15 (ĐLC= 0.826) và Item 5 có điểm trung bình thấp nhất (ĐTB=2.78; ĐLC=0.875). Điều này cho thấy GV đã có mức độ nhận thức cơ bản về phương pháp ABA trong can thiệp cho trẻ tự kỉ. Cụ thể có những GV đã nêu ra được khái niệm, đặc điểm, ưu điểm và nhược điểm của phương pháp ABA. Cô N.T.L, cô Đ.N.T.T và một số GV khác đã nêu rõ được cách các cô sử dụng phương pháp ABA kết hợp với các phương pháp khác, sự kết hợp này đem lại kết quả là sự tiến bộ của trẻ sau một quá trình can thiệp. Ngược lại, khi nhóm nghiên cứu đề cập tới phương pháp ABA với một số GV thì đã có những GV không biết, chưa bao giờ nghe đến phương pháp này hoặc có những câu trả lời là "chúng tôi không áp dụng phương pháp này vào can thiệp cho trẻ tự kỉ". Như vậy, điều này đã phản ánh sự khác biệt trong mức độ hiểu biết của GV tại các trung tâm hỗ trợ và phát triển GDHN về phương pháp ABA.

2.3.2. Thực trạng về trình độ vận dụng phương pháp phân tích hành vi ứng dụng (ABA) của giáo viên trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập

Bảng 3. Thực trạng mức độ vận dụng phương pháp ABA của GV giáo dục đặc biệt

STT	Item	ĐTB	ĐLC	Cronbach's Alpha
1	Phỏng vấn người chăm sóc về các vấn đề hành vi	2.96	0.902	0.940
2	Xác định các hành vi có vấn đề theo các thuật ngữ của hoạt động nhằm quan sát và đo lường	3.02	0.892	0.942
3	Quan sát, ghi chép nhằm đo lường tần suất xảy ra hành vi (ghi chép sự kiện)	3.25	0.799	0.936
4	Quan sát, ghi chép nhằm đo lường sự xuất hiện của những hành vi (ghi chép khoảng thời gian)	3.15	0.678	0.937
5	Quan sát, ghi chép nhằm đo lường hành vi theo thời gian (ghi chép thời lượng)	3.00	0.923	0.938
6	Phân tích dữ liệu quan sát	3.09	0.845	0.938
7	Xác định những biện pháp củng cố	3.20	0.779	0.935
8	Xây dựng kế hoạch dựa trên những thông tin đã thu thập	2.96	0.803	0.937
9	Sử dụng các chiến lược can thiệp (củng cố tích cực/ củng cố tiêu cực) để tăng cường hành vi phù hợp	3.02	0.762	0.940

10	Sử dụng các chiến lược can thiệp khác nhằm giảm thiểu hành vi không phù hợp	3.25	0.838	0.938
11	Sử dụng các chiến lược can thiệp nhằm hình thành hoặc dạy một số kĩ năng	3.15	0.877	0.938
12	Sử dụng một số phương pháp nhằm quản lí những hành vi không mong muốn	3.00	0.716	0.941
13	Tiến hành theo dõi, đánh giá và can thiệp liên tục những thay đổi của hành vi	3.09	0.721	0.939

Từ kết quả cho thấy Item 2 có độ tin cậy cao nhất (Cronbach's Alpha= 0.942) và Item 7 có độ tin cậy thấp nhất (Cronbach's Alpha= 0.935). Item 3 và Item 10 có điểm trung bình cao nhất (ĐTB=3.25; ĐLC tương ứng là 0.799 và 0.838). Điều này cho thấy GV đã phần nào áp dụng được quy trình của phương pháp ABA trong chăm sóc, can thiệp cho trẻ rối loạn phổ tự kỉ. Điều tra bằng phiếu hỏi và thông qua phỏng vấn đã cung cấp thêm một số thông tin về việc vận dụng các phương pháp quản lí hành vi khác nhau khi xây dựng kế hoạch can thiệp cho trẻ tự kỉ. Một số phương pháp quản lí hành vi mà GV thường sử dụng có thể kể tới như: - Phương pháp SMORESTEP: đây là một chương trình can thiệp bước nhỏ giúp trẻ tự kỉ có thể cải thiện được ngôn ngữ; - Phương pháp PEP-R: là phương pháp giúp trẻ cải thiện được ngôn ngữ, tập trung chú ý và có thêm sự tương tác xã hội; - Phương pháp TEACCH: là phương pháp giúp trẻ học được những kĩ năng tự quản lí và phát triển một số kĩ năng xã hội; - Phương pháp PECS: là phương pháp sử dụng hình ảnh để giúp trẻ có thể giao tiếp; - Phương pháp AAC: là một hệ thống công cụ hỗ trợ giúp việc giao tiếp thay thế; Chương trình giáo dục mầm non 2021 và Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

GV chia sẻ, khi xây dựng một kế hoạch can thiệp, họ thường kết hợp rất nhiều phương pháp khác nhau; khi xây dựng kế hoạch và áp dụng các phương pháp, mức độ tự kỉ của trẻ cần được xác định và chẩn đoán, từ đó GV có kế hoạch phù hợp với từng cá nhân của trẻ. Theo kế hoạch giáo dục cá nhân, GV thường xuyên đánh giá mức độ tiến bộ của trẻ (theo tháng, theo kì, theo quý) để có kế hoạch tiếp theo. Theo đó, GV cũng thường áp dụng một số thang đo trong việc đánh giá sự tiến bộ của trẻ như: Thang kiểm tra tâm lí T Kyoto, bảng phát triển trẻ em Việt Nam, thang đo ADSD-T, tiêu chuẩn kiến thức kĩ năng dành cho học sinh tiểu học (Chương trình giáo dục phổ thông 2018). Kết quả sự tiến bộ của trẻ sẽ được biểu hiện rõ trong hành vi, lời nói, sự tương tác của trẻ đối với môi trường xung quanh.

2.3.3. Trường hợp thực tế về việc vận dụng phương pháp phân tích hành vi ứng dụng (ABA)

Nhóm nghiên cứu thực hiện nghiên cứu trường hợp tại Làng Hữu nghị Việt Nam. Đây là cơ sở giáo dục hỗ trợ hoà nhập thực hiện can thiệp cho trẻ tự kỉ theo quy trình như sau (sơ đồ 1).

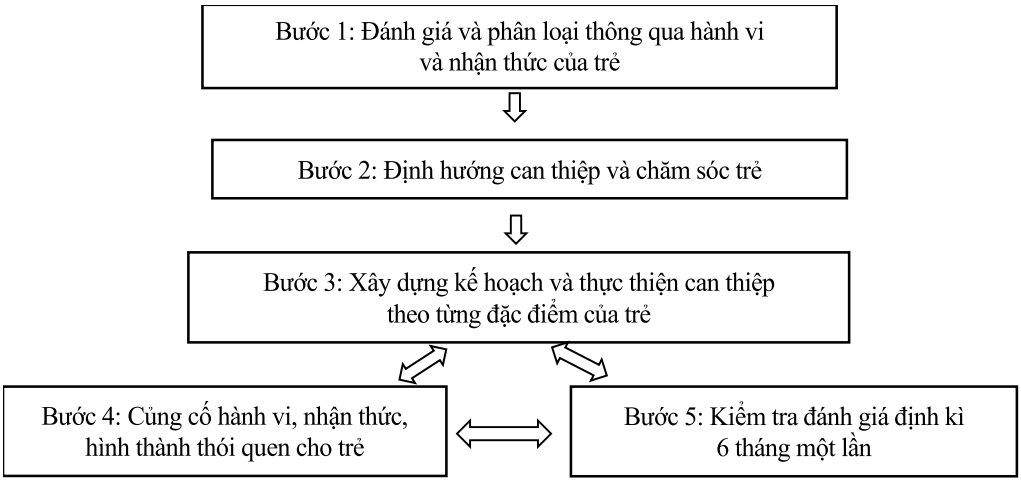

Sơ đồ 1. Quy trình can thiệp cho trẻ tự kỉ tại Làng Hữu nghị Việt Nam

Nghiên cứu trường hợp của em N.N.Đ. tại Làng Hữu nghị Việt Nam. N.N.Đ., sinh năm 2010, là một ví dụ điển hình về can thiệp cho trẻ em mắc tự kỉ trong môi trường giáo dục và can thiệp đặc biệt. Em N.N.Đ. vào Làng Hữu nghị Việt Nam vào năm 2023, khi em đã 13 tuổi. Trước khi đến đây, em đã gặp phải nhiều vấn đề về hành vi và phát triển, đặc biệt là trong giao tiếp và học tập. Em có một số vấn đề như không thể ngồi im một chỗ, cào cấu bản thân khi căng thẳng, sợ âm thanh to, cũng như khó khăn trong việc đọc và viết. Tuy nhiên, qua quá trình can thiệp và học tập tại làng Hữu nghị, với sự hỗ trợ của các GV và chương trình can thiệp hành vi, em đã có những bước tiến đáng kể trong việc kiểm soát hành vi và phát triển các kĩ năng sống cơ bản. Khi mới vào Làng Hữu nghị, em N.N.Đ. có những hành vi tự cào cấu khi cảm thấy căng thẳng hoặc khó chịu, rất khó để ngồi yên một chỗ và thường xuyên di chuyển quanh lớp hoặc sẽ tự ý ra ngoài tự do. Một trong những nỗi sợ lớn nhất của em là những âm thanh lớn, mỗi

lần nghe âm thanh lớn, em đều cảm thấy hoang mang và lo lắng, hú hét và hoảng sợ. Về mặt học tập, em N.N.Đ. không biết đọc, viết, tính toán và em có rất ít kiến thức về kĩ năng xã hội hay kĩ năng sống cơ bản. Mỗi khi không thể làm được điều gì hoặc làm sai bài cô giao, em lại cảm thấy sợ hãi và cắn tay mình như một cách để tự làm dịu cảm giác căng thẳng. N.N.Đ. có một đặc điểm là rất thích vẽ, đặc biệt là vẽ những đồ vật xung quanh mình.

Tại Làng Hữu nghị Việt Nam, GV đã áp dụng phương pháp can thiệp hành vi phù hợp để giúp em N.N.Đ. phát triển hành vi tích cực, học tập và nâng cao những kĩ năng sống, kĩ năng xã hội. GV chia nhỏ các bài học, từ đọc viết, tính toán đến các kĩ năng sống cơ bản, để N.N.Đ. có thể làm quen và tích lũy kiến thức, điều này giúp em không cảm thấy áp lực, gò bó và quá tải và em có thể dễ dàng đạt được thành công, từ đó tạo động lực cho em tiếp tục học hỏi và phát triển. Sau khoảng 7 tháng học tập, em đã có thể kiểm soát được hành vi của mình, giảm thiểu được tình trạng cào cấu bản thân mỗi khi căng thẳng; đồng thời, em đã có thể tính toán đơn giản và đọc hiểu được các bài văn cơ bản. Những tiến bộ này là kết quả của một quá trình dài và kiên trì trong việc áp dụng các bài tập nhỏ về đọc, viết và các kĩ năng sống cơ bản, đồng thời kết hợp với các hoạt động giao lưu và sự tham gia của các nhóm tình nguyện. Những hoạt động này không chỉ giúp em phát triển các kĩ năng học tập mà còn tăng cường khả năng giao tiếp và kết nối xã hội. Trong quá trình can thiệp, GV luôn duy trì phương pháp khen thưởng và động viên để em có động lực. Việc thưởng quà hoặc có những lời khen sau mỗi tiến bộ nhỏ đã giúp em N.N.Đ. cảm thấy tự tin hơn và mong muốn đạt được những thành công lớn hơn. Phương pháp chia nhỏ bài học và khen thưởng củng cố hành vi mà GV đã sử dụng chính là sự phản ánh về một trong những đặc điểm nổi bật của phương pháp ABA. Hiện tại, em cũng đã có thể thực hiện một số công việc đơn giản như quét nhà, nhặt rau và giúp đỡ bố mẹ khi về nhà, điều này không chỉ giúp em phát triển kĩ năng tự phục vụ bản thân mà còn giúp em hòa nhập tốt hơn vào cuộc sống gia đình và xã hội. Cuối cùng, sau 6 tháng (1 kì học) em sẽ có bài kiểm tra, đánh giá mức độ phát triển và nhận thức của trẻ.

Nghiên cứu cho thấy, GV đã áp dụng đầy đủ quy trình thực hiện của phương pháp ABA như là đánh giá tình trạng của trẻ, xây dựng kế hoạch can thiệp, theo dõi quá trình tiến bộ của trẻ; trường hợp em N.N.Đ, GV đã kết hợp rất nhiều phương pháp trong can thiệp cho trẻ tự kỉ. Theo đó, các GV đã đưa ra những lợi ích khi áp dụng phương pháp ABA như: Có những bài tập nhỏ nhấn mạnh đến việc loại bỏ hành vi không mong muốn bằng cách áp dụng củng cố tích cực và thay thế bằng những hành vi tích cực, điều này giúp GV có thể nhận thấy sự thay đổi của trẻ sau mỗi quá trình luyện tập; Có những hoạt động giúp trẻ tăng khả năng giao tiếp và thích ứng của trẻ, GV sẽ thực hiện dựa vào các yếu tố môi trường nhằm có hoạt động giúp trẻ hòa nhập và cải thiện trí tuệ. Những điều này đã được chứng minh thông qua nghiên cứu của Makrygianni và cộng sự (2018). Bên cạnh những thuận lợi, GV đã chia sẻ một số khó khăn khi thực hiện áp dụng phương pháp ABA như: phương pháp này đòi hỏi GV phải có chuyên môn sâu về phương pháp và thực hiện xây dựng kế hoạch chi tiết theo phương pháp; trong can thiệp cho trẻ tự kỉ, cần kết hợp nhiều phương pháp, kĩ thuật khác, đòi hỏi GV có nghiệp vụ sâu, bản lĩnh và đạo đức nghề nghiệp.

Bên cạnh đó, khảo sát thu thập số liệu ý kiến của GV về các khó khăn cơ bản của GV khi vận dụng phương pháp ABA thể hiện ở bảng 4.

Bảng 4. Thực trạng khó khăn khi vận dụng phương pháp ABA trong can thiệp cho trẻ tự kỉ

STT	Item	ĐTB	ĐLC	Cronbach's Alpha
1	Quá trình thực hiện được phân chia thành các bước nhỏ sẽ có sự tách biệt, rời rạc	3.00	0.903	0.702
2	Đòi hỏi GV cần có kinh nghiệm chuyên môn cao	2.98	0.972	0.628
3	Trẻ không hợp tác và khó thích nghi với môi trường mới	2.95	0.803	0.658
4	Khó khăn về mặt chính sách và những quy định của chính phủ, các cơ quan	2.71	0.916	0.742
5	Môi trường khách quan không đảm bảo việc triển khai và áp dụng phương pháp	3.31	0.635	0.717

Đa số các GV tại các trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN đã nhận thức và hiểu rõ về phương pháp ABA. Tuy nhiên, việc áp dụng phương pháp này vào can thiệp cho trẻ tự kỉ vẫn đối mặt với một số khó khăn nhất định. Một trong những vấn đề phổ biến là các bài tập và quá trình can thiệp thường được chia thành những bước nhỏ, dẫn đến sự rời rạc trong chương trình. Điều này khiến GV gặp khó khăn trong việc theo dõi và kiểm soát tiến độ phát triển của trẻ. Ngoài ra, phương pháp ABA yêu cầu GV không chỉ có kiến thức chuyên sâu mà còn phải có kinh nghiệm thực tế, cùng khả năng thiết kế các hoạt động học tập hấp dẫn để duy trì sự hứng thú và hợp tác từ trẻ. Can thiệp cho trẻ tự kỉ là một quá trình dài và liên tục, đòi hỏi gia đình phải có nguồn lực tài chính ổn định. Tuy nhiên, đây lại là một thách thức lớn đối với nhiều gia đình, và trong những trường hợp khó khăn, sự hỗ trợ từ cộng đồng là vô cùng

quan trọng. Bên cạnh đó, mức độ chăm sóc, can thiệp cho trẻ có nhu cầu đặc biệt về giáo dục còn phụ thuộc vào điều kiện cụ thể của từng địa phương, cơ sở vật chất của can trung tâm. Bên cạnh đó, các GV cũng chia sẻ về một số khó khăn trong quá trình áp dụng phương pháp ABA như: Sự kì vọng quá lớn từ phía gia đình, khiến quá trình can thiệp bị gián đoạn; Một số trẻ gặp khó khăn trong việc tiếp nhận những sự thay đổi về các hình thức can thiệp mới; Chưa có những chương trình đào tạo chuyên sâu, giúp GV nâng cao kiến thức và kĩ năng thực tiễn về phương pháp ABA.

3. Kết luận

ABA là một hệ thống kĩ thuật và chiến lược dựa trên nguyên tắc phân tích hành vi, giúp cải thiện hành vi và phát triển kĩ năng xã hội cho trẻ tự kỉ. Kết quả khảo sát việc vận dụng phương pháp ABA trong can thiệp cho trẻ tự kỉ tại các trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN cho thấy, có sự phân hóa trong khả năng áp dụng phương pháp ABA giữa các GV. Một số GV đã nắm vững và sử dụng hiệu quả phương pháp này để can thiệp cho trẻ, trong khi một số khác chưa thành thạo hoặc chưa áp dụng được hiệu quả. Nghiên cứu cũng chỉ ra những khó khăn trong quá trình áp dụng ABA, như sự hạn chế về kiến thức, kĩ năng chuyên môn của GV, khó khăn về môi trường hỗ trợ. Vì vậy, cần có các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng ABA, như tăng cường đào tạo chuyên môn cho GV, cải thiện sự phối hợp giữa gia đình và trung tâm giáo dục. Việc kết hợp nhiều phương pháp can thiệp khác nhau cũng được khuyến khích để đạt hiệu quả tối ưu trong việc hỗ trợ trẻ tự kỉ. Từ kết quả nghiên cứu, chúng tôi khuyến nghị: (1) Xây dựng những khóa học chuyên sâu nhằm phổ cập những kiến thức chuyên môn về phương pháp ABA cho GV trong can thiệp cho trẻ tự kỉ; (2) Cung cấp tới các trung tâm về các tài liệu có liên quan tới phương pháp ABA; (3) Tổ chức và tham gia các nhóm hỗ trợ, các dự án và thảo luận liên quan tới phương pháp ABA nhằm trao đổi kiến thức, kinh nghiệm và kĩ năng; (4) Học tập và làm việc với những chuyên gia trong lĩnh vực nghiên cứu phương pháp ABA, hoặc theo dõi những bài nghiên cứu nhằm học hỏi và thu thập thêm kiến thức, kĩ năng giúp can thiệp cho trẻ tự kỉ.

Tài liệu tham khảo

Anderson, S., & Romanczyk, R. (1999). Early Intervention for Young Children with Autism: Continuum-Based Behavioral Models. *Research and Practice for Persons with Severe Disabilities, 24*, 162-173. https://doi.org/10.2511/rpsd.24.3.162

Fennell, B., & Dillenburger, K. (2016). Applied behaviour analysis: What do teachers of students with autism spectrum disorder know. *International Journal of Educational Research, 87*, 110-118. https://doi.org/10.1016/J.IJER.2016.06.012

Hoang, V. M., Le, T. V., Chu, T. T. Q., Le, B. N., Duong, M. D., Thanh, N. V., Pham, V. T., Minas, H. & Bui, T. T. H (2019). Prevalence of autism spectrum disorders and their relation to selected socio-demographic factors among children aged 18-30 months in northern Vietnam. *International Journal of Mental Health Systems, 13*, Article 29. https://doi.org/10.1186/s13033-019-0285-8

Khaleel, Y. F. (2019). Assessing the Knowledge Level of Teachers of Children with Autism Spectrum Disorder about the Importance of Applied Behavior Analysis (ABA) Strategies in Zarka City. *International Education Studies, 20*(5), 120-132. https://doi.org/10.5539/IES.V12N5P120

Leaf, J. B., Cihon, J. H., Ferguson, J. L., Weinkauf, S. M. (2017). An Introduction to Applied Behavior Analysis. In: Matson, J. (eds) *Handbook of Childhood Psychopathology and Developmental Disabilities Treatment*. Autism and Child Psychopathology Series. Springer, Cham. https://doi.org/10.1007/978-3-319-71210-9_3

Makrygianni, M., Gena, A., Katoudi, S, & Galanis, P. (2018). The effectiveness of applied behavior analytic interventions for children with Autism Spectrum Disorder: A meta-analytic study. *Research in Autism Spectrum Disorders, 51*, 18-31. https://doi.org/10.1016/J.RASD.2018.03.006

Rosenwasser, B., & Axelrod, S. (n.d.). The Contributions of Applied Behavior Analysis to the Education of People with Autism. *Behavior Modification, 25*, 671-677. https://doi.org/10.1177/0145445501255001

Tran Van Cong, Nguyen Thi Hoai Phuong, Hoang Thi Thanh Hue (2021). The Effectiveness of Applied Behaviour Analysis Training Program for Intervention Staff in Vietnam. *VNU Journal of Science: Education Research, 37*(4), 49-59. https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4603

WHO (2023). *Autism.* https://www.who.int/news-room/fact-sheets/detail/autism-spectrum-disorders